

Số: **2737** /QĐ-UBND

Thành phố Cao Bằng, ngày **25** tháng **11** năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để GPMB thực hiện dự án: Đường dây và trạm biến áp 110kv Chu Trinh đối với hộ gia đình ông (bà): Triệu Tiến Anh trú tại xóm 1, xã Chu Trinh, Thành phố Cao Bằng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh Cao Bằng Ban hành giá nhà và các công trình xây dựng gắn liền với đất để tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;*

*Căn cứ Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2015 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Bảng giá bồi thường cây cối, hoa màu, thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;*

*Căn cứ Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;*

*Căn cứ Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;*

*Căn cứ Quyết định số 312/QĐ-EVNNPC ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Tổng Công ty điện lực Miền bắc về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Đường dây và trạm biến áp 110kv Chu Trinh;*

*Căn cứ Quyết định số 349/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 Thành phố Cao Bằng;*

Căn cứ Quyết định 848/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt bổ sung, điều chỉnh các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 Thành phố Cao Bằng (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường và tiền sử dụng đất giao đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Đường dây và trạm biến áp 110kv Chu Trinh, tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ hồ sơ, phương án của các hộ gia đình, cá nhân kèm theo Công văn số 664/TCT-QĐMB ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Tổ công tác - Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành phố Cao Bằng;

Xét đề nghị của Tổ thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố tại Tờ trình số 113/TTr-TTĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để GPMB thực hiện dự án: Đường dây và trạm biến áp 110kv Chu Trinh đối với hộ gia đình ông (bà): Triệu Tiên Anh trú tại xóm 1, xã Chu Trinh, Thành phố Cao Bằng với những nội dung sau:

1. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: **620.751.599,0 đồng**

(Bằng chữ: Sáu trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi một nghìn năm trăm chín mươi chín đồng)

Trong đó:

a, Kinh phí bồi thường: 300.530.849,0 đồng

b, Kinh phí hỗ trợ: 320.220.750,0 đồng

2. Phương án bố trí tái định cư: Không đủ điều kiện bố trí tái định cư.

(Không bị thu hồi đất ở, không đủ điều kiện cấp tái định cư theo Điều 6, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP).

(Có phương án và dự toán chi tiết kèm theo)

### **Điều 2.**

1. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành phố có trách nhiệm giao quyết định này đến hộ gia đình ông/bà: Triệu Tiên Anh; Trường hợp hộ gia đình ông/bà: Triệu Tiên Anh không nhận quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản và niêm yết công khai Quyết định này theo quy định.

2. Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng bồi thường chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án được phê duyệt trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

3. Văn phòng HĐND và UBND thành phố có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông điện tử của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND Thành phố, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thành phố, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất và Giải phóng mặt bằng thành phố, Chủ tịch UBND xã Chu Trinh, hộ gia đình ông/bà: Triệu Tiến Anh và thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *le*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Trung tâm PTQĐ và GPMB thành phố (9 bản);
- Các phòng: TNMT, QLĐT, TC-KH TP;
- UBND xã Chu Trinh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



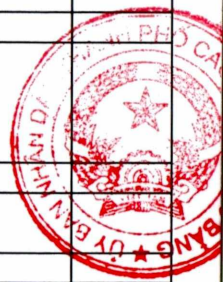
**Nguyễn Minh Châu**

PHƯƠNG ÁN VÀ DỰ TOÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

DỰ ÁN: ĐƯỜNG DÂY VÀ TRẠM BIẾN ÁP 110KV CHU TRINH

Hộ gia đình: Triệu Tiên Anh, Xóm 1, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng, SĐT: 0372091939

(Kèm theo Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022 của UBND Thành phố Cao Bằng)



STT	Họ và tên loại tài sản khác	Số tờ bản đồ	Thửa đất số	Đơn vị tính	Khối lượng		Đơn giá	Hệ số				Thành tiền		Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Tái định cư (lô)
					Diện tích đất bồi thường	Loại TS khác và cây cối hoa màu		Điều chỉnh giá đất	Điều chỉnh giá xây dựng theo QĐ 16	Hỗ trợ chuyển đổi nghề, hỗ trợ khác	Tăng giảm	Bồi thường	Hỗ trợ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
<b>A</b>	<b>BỒI THƯỜNG</b>											<b>300.530.849</b>			
<b>I</b>	<b>ĐẤT</b>				<b>1.817,30</b>							<b>188.762.430</b>			
1	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác, xã trung du, vùng 1	1	15	m2	1.013,60		65.000	1,108				72.979.200			
2	Đất trồng cây lâu năm, xã trung du, vùng 1	1	28	m2	173,65		88.000	1,107				16.913.510			
3	Đất ở nông thôn, vị trí 2 (Đoạn từ giáp ranh phường Duyệt Trung theo Quốc lộ 34B đến đường rẽ vào nhà máy Luyện Gang Công ty 30-4)	1	28	m2	47,65		965.000	1,159				53.272.700			
4	Đất trồng cây lâu năm, xã trung du, vùng 1	1	31	m2	11,20		88.000	1,107				1.090.880			
5	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác, xã trung du, vùng 1	1	35	m2	25,80		65.000	1,108				1.857.600			
6	Đất trồng cây lâu năm, xã trung du, vùng 1	1	36	m2	174,90		88.000	1,107				17.035.260			
7	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác, xã trung du, vùng 1	1	38	m2	111,20		65.000	1,108				8.006.400			
8	Đất rừng sản xuất, xã trung du	1	50	m2	94,90		15.000	1,120				1.594.320			
	<i>Bổ sung diện tích đất theo Đơn đề nghị thu hồi phần diện tích nằm ngoài phạm vi giải phóng mặt bằng</i>														
1	Đất trồng cây lâu năm, xã trung du, vùng 1	1	36	m2	164,40		88.000	1,107				16.012.560			
<b>II</b>	<b>Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất đối với đất thuộc hành lang an toàn bảo vệ công trình (theo Khoản 1, Điều 1, QĐ 30/2022/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 của UBND tỉnh Cao Bằng) được hỗ trợ bằng 30% mức bồi thường đất</b>											<b>550.872</b>			
1	Đất rừng sản xuất, xã trung du	1	50	m2	109,30		15.000	1,120			0,3	550.872			
<b>III</b>	<b>HOA MÀU</b>											<b>19.364.528</b>			
1	Bưởi quảng đông loại C	1	36	cây		15	250.000					3.750.000			
2	Bưởi quảng đông loại B	1	36	cây		2	400.000					800.000			
3	Ngô	1	38	m2		111,2	3.500					389.200			
4	Mắc mật loại A	1	35	cây		1	660.000					660.000			
5	Rau xanh các loại	1	35	m2		25,8	7.000					180.600			
6	Chanh loại D	1	31	cây		1	100.000					100.000			



2	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với Đất trồng cây lâu năm, xã trung du, vùng 1				524,2	88.000			2,5			115.313.000		
	Diện tích đất hỗ trợ (=Bảng tổng diện tích đất CLN x số nhân khẩu đủ điều kiện hỗ trợ/tổng số nhân khẩu của gia đình).		m2		524,2									
3	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với Đất rừng sản xuất, xã trung du				94,9	15.000			1,5			2.135.250		
	Diện tích đất hỗ trợ (=Bảng tổng diện tích đất RSX x số nhân khẩu đủ điều kiện hỗ trợ/tổng số nhân khẩu của gia đình).		m2		94,9									
II	Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất (= số nhân khẩu đủ đk hỗ trợ * mức hỗ trợ * số tháng)				5	360.000				6		10.800.000		
	Số nhân khẩu trong gia đình		NK		5									
	Số nhân khẩu trong gia đình đủ điều kiện hỗ trợ (không hưởng lương ngân sách)		NK		5									
	Số nhân khẩu trong gia đình không đủ điều kiện hỗ trợ (hưởng lương ngân sách):		NK		0									
	Mức hỗ trợ = 30kg gạo tẻ thường x 12.000 đồng = 360.000đ/người/tháng					360.000								
	Tỷ lệ % mất đất nông nghiệp là: 53,7%, không phải di chuyển chỗ ở, đủ điều kiện hỗ trợ 6 tháng								6					
III	Hỗ trợ khác:											5.000.000		
1	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng											5.000.000		
	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng đối với Đất sản xuất nông nghiệp (Mức thưởng 5.000đ/m <sup>2</sup> ; Mức thưởng tối đa không quá 5.000.000đ/hộ) Quy định thời gian bàn giao mặt bằng đối với đất nông nghiệp là 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo (sẽ được chi trả sau khi gia đình bàn giao mặt bằng đúng tiến độ theo Thông báo của Hội đồng bồi thường)		hộ		1,0	5.000.000						5.000.000		
C	TÁI ĐỊNH CƯ													
	Gia đình không bị thu hồi đất ở do đó không đủ điều kiện xem xét cấp đất tái định cư theo quy định tại điều 6, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của chính phủ													
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>1.817,30</b>							<b>300.530.849</b>	<b>320.220.750</b>	<b>620.751.599</b>
														<b>0</b>

ĐANG TẠM